

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CHI PHÍ BẢO QUẢN DI SẢN THỪA KẾ

(PERFECTING LEGAL REGULATIONS ON THE COSTS OF PRESERVING INHERITANCE)

ThS. LÊ THỊ BÍCH CHI

Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Quản lý di sản; thù lao; chi phí bảo quản di sản.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 20/12/2023

Hoàn thành phản biện: 04/12/2024

Duyệt đăng : 05/01/2025

Tóm tắt:

Bên cạnh các quy định về nghĩa vụ, pháp luật thừa kế còn có các quy định về quyền của người quản lý di sản, trong đó có quyền được hưởng thù lao và được thanh toán chi phí bảo quản di sản. Tuy nhiên, pháp luật hiện không có quy định về điều kiện, tiêu chí xác định mức thù lao, các khoản chi phí quản lý di sản được thanh toán... nên khi phát sinh tranh chấp, kết quả giải quyết của Tòa án đôi khi thiếu nhất quán, không bảo đảm công bằng. Bài viết phân tích những hạn chế của pháp luật về chi phí cho việc bảo quản di sản, làm rõ những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn xét xử, qua đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện.

Article Information:

Keywords: Inheritance administration; remuneration; Inheritance preservation costs.

Article History:

Received : 20 Dec. 2023

Review completed : 04 Dec. 2024

Approved : 05 Jan. 2025

Abstract:

Alongside regulations on obligations, inheritance law provides for the rights of the inheritance administrator, including the right to remuneration and reimbursement for inheritance preservation costs. However, current legislation lacks specific criteria and conditions for determining remuneration levels and deductible administrative expenses. Consequently, when disputes arise, judicial outcomes are occasionally inconsistent and fail to ensure equity. This article analyzes the limitations of the law concerning inheritance preservation costs, clarifies obstacles arising from judicial practice, and proposes recommendations for improvement.

1. Dẫn nhập

Thừa kế là quyền hiến định, được Bộ luật Dân sự (BLDS) cụ thể hoá nội dung thực hiện, quy định về việc chuyển dịch tài sản của người chết cho người còn sống, bao gồm quyền để lại di sản thừa kế và quyền hưởng thừa kế, được thực hiện thông qua hai hình thức theo di chúc hoặc theo pháp luật. Trên thực tế, vì nhiều lý do, khi một người chết đi, khối di sản

người này để lại không được phân chia ngay tại thời điểm mở thừa kế mà được bảo quản, giữ gìn trong một khoảng thời gian dài.

Về nguyên tắc, người quản lý di sản có quyền được thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản, bao gồm thù lao và chi phí khác, kể cả trong trường hợp người quản lý không đưa ra yêu cầu xem xét¹. Việc xác định thù lao, chi phí bảo quản di sản không chỉ bảo

¹ Nội dung này được thể hiện tại Án lệ số 05/2016/AL như sau: “Tuy chị Phượng không phải thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hưng, cụ Ngụ, nhưng là cháu nội của hai cụ và có nhiều công sức quản lý, đã chi tiền sửa chữa nhà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phượng không yêu cầu xem xét công sức vì chị Phượng cho rằng vụ án đã hết thời hiệu chia thừa kế, không đồng ý trả nhà đất cho các thừa kế. Như vậy, yêu cầu của chị Phượng đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa xem xét công sức cho chị Phượng là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự”.

vệ quyền của người quản lý di sản mà còn bảo đảm việc phân chia di sản thừa kế công bằng, phù hợp với quy định của pháp luật, góp phần hạn chế tranh chấp phát sinh.

2. Chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế

2.1. Thực trạng pháp luật về chi phí cho việc bảo quản di sản thừa kế

Quản lý là “*trông coi và giữ gìn theo những yêu cầu nhất định*”²; quản lý di sản là việc thực hiện các hoạt động để bảo đảm tính toàn vẹn của khối di sản, như bảo quản, bảo tồn, sử dụng tài sản, thanh toán các khoản nợ liên quan đến di sản và các hoạt động khác³. Vì lẽ đó, người quản lý di sản có quyền được thanh toán/hoàn trả chi phí cho việc bảo quản di sản.

Theo khoản 3 Điều 658 BLDS năm 2015, chi phí cho việc bảo quản di sản là một trong các khoản chi phí liên quan đến thừa kế được ưu tiên thanh toán ở trật tự thứ ba, trước khi phân chia di sản thừa kế (sau chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng và tiền cấp dưỡng còn thiếu). Mặc dù vậy, BLDS không có quy định giải thích nội hàm của khoản “*chi phí cho việc bảo quản di sản*”. Dựa trên các quy định về quyền của người quản lý di sản (“*được hưởng thù lao*” và “*được thanh toán chi phí bảo quản di sản*” theo khoản 1 Điều 618 BLDS năm 2015) cũng như quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán các khoản chi phí liên quan đến thừa kế (theo Điều 658 BLDS năm 2015), các tác giả cho rằng, “*chi phí cho việc bảo quản di sản*” bao gồm hai khoản: (i) Thù lao cho người quản lý di sản và (ii) Chi phí bảo quản di sản, trong đó, “*chi phí bảo quản di sản là những khoản buộc phải thanh toán cho người đã bỏ ra chi phí này còn thù lao phụ thuộc vào chất lượng của việc bảo quản và yếu tố khác như thỏa thuận*

với người thừa kế”⁴. Người được hưởng thù lao bắt buộc phải là người trực tiếp quản lý di sản nhưng người được thanh toán chi phí bảo quản không bắt buộc phải trực tiếp trông coi, giữ gìn, bảo quản di sản, chỉ cần chứng minh đã đầu tư (bỏ chi phí) thông qua hóa đơn mua hàng, xác nhận của người bán hàng, người vận chuyển, người làm công⁵... Do đó, trong quá trình quản lý, người quản lý chỉ trông giữ, bảo quản nhưng không sử dụng kinh phí để đầu tư cho di sản thì chỉ được hưởng thù lao mà không có căn cứ để được thanh toán chi phí bảo quản và ngược lại.

Nhìn chung, thù lao và chi phí bảo quản di sản là hai khoản độc lập với quyền thừa kế (của chính người quản lý di sản nếu có) cũng như quyền sở hữu chung trong khối tài sản do người chết để lại. Bởi vậy, trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc quản lý di sản thì khi giải quyết, Tòa án cần xác định đúng bản chất của từng khoản để áp dụng pháp luật phù hợp.

2.1.1. Thù lao cho người quản lý di sản

Một trong những quyền của người quản lý di sản là được hưởng thù lao và quyền này không phụ thuộc vào căn cứ phát sinh từ cách quản lý di sản (được chỉ định trong di chúc hoặc do những người thừa kế thỏa thuận cử ra; hoặc là người đang chiếm hữu, sử dụng; hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý theo Điều 616 BLDS năm 2015). Người được hưởng thù lao bắt buộc phải là người trực tiếp quản lý di sản. Dù được ghi nhận là quyền của người quản lý di sản nhưng BLDS không quy định điều kiện, tiêu chí cụ thể để xem xét, tính toán mức thù lao. Theo một quan điểm “*về mặt từ ngữ: BLDS đã dùng từ trả thù lao cho người quản lý di sản, còn trong thực tiễn xét xử các Tòa án thường dùng từ trích công sức*

² Hoàng Phê (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, tr. 42.

³ Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 524.

⁴ Đỗ Văn Đại (2013), *Luật thừa kế Việt Nam - Bản án và bình luận án* (Tập 2), Nxb. Chính trị quốc gia (xuất bản lần thứ hai), tr. 450.

⁵ Phạm Hoài Ngân (2019), *Khi nào Tòa án phải tính công sức trong vụ án dân sự?*, <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/khi-nao-toa-an-phai-tinh-cong-suc-trong-vu-an-dan-su>, truy cập ngày 20/02/2024.

cho người quản lý di sản”⁶. Chúng tôi cho rằng, việc sử dụng thuật ngữ “trả/thanh toán thù lao” hay “trích/áng trích công sức” bảo đảm tính tương đồng, cùng chung nội hàm bởi chúng đều là sự trả công cho hành động giữ gìn, bảo tồn, quản lý hoặc làm tăng giá trị di sản. Với bản chất là sự trả công (thanh toán) cho những đóng góp về sức lực, thời gian, kinh nghiệm, trí tuệ... mà người quản lý đã bỏ ra, góp phần làm cho tài sản không bị hư hỏng, mất mát, thậm chí còn tăng giá trị tài sản nên về nguyên tắc, “*nếu số lượng và chủng loại di sản như nhau thì thời gian phải trông coi, giữ gìn, bảo tồn di sản càng dài thì thù lao càng phải lớn*”⁷.

Rõ ràng, nếu không phát sinh tranh chấp về thù lao quản lý di sản thì mức thù lao bao nhiêu cũng được coi là hợp lý, thậm chí bằng không, nên không cần thiết phải có hướng dẫn nguyên tắc xác định mức thù lao. Ngược lại, nếu phát sinh tranh chấp do không đạt được thỏa thuận với những người thừa kế, “*người quản lý di sản được hưởng một khoản thù lao hợp lý*” (khoản 3 Điều 618 BLDS năm 2015) nhưng pháp luật hiện hành không có quy định tiêu chuẩn, căn cứ để xem xét, đánh giá sự “*hợp lý*” của mức thù lao.

Có thể khẳng định, ưu điểm của việc trao quyền cho Tòa án “*tùy vào từng tranh chấp cụ thể, từng trường hợp, hoàn cảnh mà việc xác định tính hợp lý cho tiền thù lao sẽ khác nhau, không thể cùng tiêu chí được áp dụng cho mọi trường hợp*”⁸ giúp cho việc xác định tiền thù lao phù hợp với thực tiễn, tránh tình trạng cứng nhắc. Nhưng trong bối cảnh pháp luật thừa kế như đã được đề cập, các tác giả cho rằng, “*khoản thù lao hợp lý*” là một khái niệm trừu tượng, dễ bị lạm dụng, dễ dẫn đến thực tiễn xét xử của Tòa án thiếu nhất quán, xác định tỷ lệ phần công sức/thù lao tùy tiện, không bảo đảm quyền của người quản lý di sản một cách thỏa đáng.

Bên cạnh đó, cũng có trường hợp, người quản lý di sản không chỉ trông coi, giữ gìn, bảo quản di sản mà còn thực hiện việc khai thác tài sản (như cho thuê) hưởng lợi tức nhưng pháp luật thừa kế hiện không có quy định hướng dẫn xác định thù lao cho tình huống này. Ngoài ra, công chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản trước khi người này chết có được coi là công sức hay thù lao quản lý di sản hay không hiện cũng tồn tại nhiều quan điểm trái chiều⁹.

2.1.2. Chi phí bảo quản di sản

Ngoài khoản thù lao, người quản lý di sản còn có quyền được thanh toán (hoàn trả) chi phí cho việc bảo quản/quản lý di sản. Trên phương diện lý luận, thù lao và chi phí bảo quản di sản là hai khoản thanh toán độc lập, có bản chất và điều kiện áp dụng khác nhau. Nếu thù lao (áng trích công sức) là sự trả công, phụ thuộc vào sức lực, công lao của người quản lý và được thanh toán cho người trực tiếp trông coi, giữ gìn, bảo quản di sản thì chi phí bảo quản được hoàn trả cho người đã bỏ ra chi phí này¹⁰. Chi phí bảo quản gồm tất cả các khoản kinh phí được sử dụng/ phục vụ cho việc bảo quản di sản, không chỉ để bảo vệ, giữ gìn mà còn để gia tăng giá trị. Nhưng trong thực tế, do không xác định đúng bản chất hoặc do có sự nhầm lẫn giữa chúng, không hiếm trường hợp đã đồng nhất khoản thù lao và khoản chi phí bảo quản di sản mà người quản lý đã bỏ ra nên việc thanh toán chi phí bảo quản được tính trong tiền thù lao quản lý di sản¹¹. Bởi vậy, theo các tác giả, tùy từng vụ việc, Tòa án cần dựa vào yêu cầu của người quản lý cũng như điều kiện, hoàn cảnh, chứng cứ cụ thể để xem xét, giải quyết phù hợp với bản chất của từng khoản thanh toán, đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người quản lý di sản.

Tương tự như thù lao, BLDS cũng không quy định cụ thể khoản chi phí bảo quản di

⁶ Trương Duy Lượng (2001), *Cơ sở pháp lý và thực tiễn giải quyết việc trả thù lao cho người quản lý di sản*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4/2001.

⁷ Trương Duy Lượng (2001), *Cơ sở pháp lý và thực tiễn giải quyết việc trả thù lao cho người quản lý di sản*, t.lđđ.

⁸ Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, t.lđđ, tr. 527.

⁹ Xem thêm: Phạm Hoài Ngân (2019), *Khi nào Tòa án phải tính công sức trong vụ án dân sự?*, t.lđđ.

¹⁰ Đỗ Văn Đại (2013), *Luật thừa kế Việt Nam - Bản án và bình luận án* (Tập 2), t.lđđ, tr. 450.

¹¹ Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, t.lđđ, tr. 526.

sản nào sẽ được thanh toán. Theo một quan điểm: “Chi phí là khoản tiền đã bỏ ra để nuôi dưỡng người để lại di sản (như tiền thức ăn, tiền thuốc uống, tiền thuê người giúp việc...), để sửa lại nhà (như trát lại tường, lắn lại sơn, lát sân nhà...). Các khoản tiền đã chi phí đều tính được và ai có yêu cầu thì phải có nghĩa vụ chứng minh”¹². Các tác giả cho rằng, trong danh sách các khoản chi phí được đề cập ở trên, “khoản tiền đã bỏ ra để nuôi dưỡng người để lại di sản” không thuộc các khoản chi phí bảo quản di sản vì về mặt ngôn từ, đối tượng thụ hưởng của khoản chi phí này phải là “di sản” với mục đích để “bảo quản di sản”. Do vậy, trường hợp người quản lý di sản đã từng “chăm sóc, nuôi dưỡng” người để lại di sản trước khi người này chết thì có quyền yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ hoàn trả phần chi phí “chăm sóc, nuôi dưỡng” trước khi chia thừa kế, nhưng đây không phải là chi phí bảo quản di sản. Tuy nhiên, việc xem xét để chấp nhận hay bác bỏ yêu cầu cần dựa vào mối quan hệ và nghĩa vụ giữa người chết với người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong từng vụ việc cụ thể theo pháp luật hôn nhân và gia đình¹³.

Riêng với chi phí cho việc ma chay (thậm chí bao gồm cả cúng giỗ và xây mộ), trường hợp người chết không để lại tài sản hoặc tài sản để lại không chia thừa kế thì tất yếu không có cơ sở để xem xét, giải quyết yêu cầu thanh toán chi phí này. Ngược lại, trường hợp người chết có để lại tài sản và người thừa kế yêu cầu phân chia tất cả các khoản được để lại thì trước khi chia thừa kế, phải thanh toán chi phí phù hợp, có chứng cứ cho người tiên hành ma chay (cúng giỗ và xây mộ) nhằm bảo đảm công bằng quyền lợi của người này. Bởi theo khoản 1 Điều 658 BLDS năm 2015, “chi phí hợp lý theo tập quán cho việc mai táng” là khoản chi

phí liên quan đến thừa kế được ưu tiên thanh toán đầu tiên trước khi chia thừa kế. Mặc dù, đó là những nghĩa cử thể hiện tấm lòng hiếu thảo của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên và là giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam nên thường khó đòi hỏi hoàn trả, phân chia một cách rạch ròi. Nhưng tất cả các hoạt động này phải sử dụng một khoản kinh phí nhất định và khi người chết có để lại tài sản thì việc dùng tài sản của người chết để lại cho những mục đích như vậy (trước khi chia thừa kế) là hoàn toàn phù hợp¹⁴.

2.2. Thực tiễn xét xử yêu cầu thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản

2.2.1. Xác định thù lao hay chi phí bảo quản di sản

Như đã khẳng định, thù lao và chi phí bảo quản di sản là hai khoản độc lập nên về nguyên tắc, tranh chấp phát sinh có thể được chia thành hai loại: (i) Tranh chấp về thù lao cho người quản lý di sản, (ii) Tranh chấp về chi phí bảo quản di sản. Nhưng suy cho cùng, chúng đều là sự đóng góp của người còn sống, có thể góp thêm vào tài sản, công sức, thời gian, trí tuệ... nhằm bảo quản, tôn tạo hoặc làm gia tăng giá trị khối di sản. Sự đóng góp ấy có thể là một quá trình kéo dài liên tục hoặc gián đoạn, thậm chí đã bắt đầu từ khi “người chết” vẫn còn sống. Bởi vậy, khó để phân tách rạch ròi chi phí hay thù lao khi có tranh chấp về các khoản thanh toán liên quan đến khối tài sản mà người chết để lại. Vì lẽ đó, trong quá trình giải quyết, nhiều trường hợp, Tòa án không thống nhất về việc sử dụng thuật ngữ, thậm chí tùy ý sử dụng nhiều tên gọi khác nhau cho các khoản này như “*công sức trông nom quản lý duy trì tài sản*”¹⁵; “*công sức đóng góp vào việc quản lý,*

¹² Phạm Hoài Ngân (2019), *Khi nào Tòa án phải tính công sức trong vụ án dân sự?*, tldd.

¹³ Xem thêm: Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

¹⁴ Bản án số 11/2018/DS-PT ngày 11/04/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về tranh chấp di sản thừa kế, <https://banan.thuvienphapluat.vn/ban-an/ban-an-112018dspt-ngay-11042018-ve-tranh-chap-di-san-thua-ke-26179>, truy cập ngày 01/4/2020.

¹⁵ Bản án số 268/2019/DS-PT ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về tranh chấp thừa kế tài sản, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta469005t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 20/02/2024.

*tôn tạo di sản thừa kế*¹⁶; “*công trong việc quản lý, bảo vệ di sản*”¹⁷... thậm chí là “*công sức, chi phí tôn tạo, bảo quản di sản*”¹⁸. Điều đó có thể dẫn đến sự nhầm lẫn giữa các khoản thanh toán, không bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người quản lý di sản, làm giảm sự uy nghiêm của bản án, bởi lẽ:

Thứ nhất, “*thù lao*” và “*chi phí bảo quản di sản*” là hai thuật ngữ pháp lý, được BLDS sử dụng cho hai khoản thanh toán với bản chất và điều kiện áp dụng khác nhau. Hơn nữa, về mặt ngôn từ, thời điểm phát sinh các khoản này phải là sau thời điểm người để lại di sản chết và di sản đã được giữ gìn, bảo tồn, quản lý hoặc làm tăng giá trị.

Thứ hai, trên phương diện sở hữu, các khoản này tuy là một phần không thể tách rời với di sản thừa kế nhưng không thuộc trường hợp sở hữu chung có thể phân chia. Ngược lại, nếu người quản lý có tài sản thuộc sở hữu chung (hợp nhất hoặc theo phần) với người chết thì việc trao trả/phân chia tài sản chung đó không được coi là thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản¹⁹. Vậy nên, thuật ngữ “*đóng góp*” như trên có thể dẫn đến nhầm lẫn với quyền sở hữu chung.

Nhiều trường hợp, do có những điểm tương đồng khó bóc tách giữa thù lao/công sức và chi phí bảo quản di sản nên khi xét xử, chi phí bảo quản được Tòa án tính gộp chung

với tiền thù lao và được gọi là “*công sức, chi phí tôn tạo, bảo quản di sản*”. Ví dụ, trong một bản án, người chết để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đối với thửa đất thổ cư số 166 (tờ bản đồ số 4 ở đội 3, xã TN, huyện TT, TP. Hà Nội) và thửa đất số 126 (tờ bản đồ số 05 tại xã TN, huyện TT, TP. Hà Nội là đất nông nghiệp 5%). Trước khi tranh chấp, hai thửa đất nói trên được trao quyền quản lý, sử dụng cho hai trong số những người thừa kế theo pháp luật của người chết và họ đã quản lý, sửa chữa, tôn tạo... di sản. Do đó, khi phát sinh tranh chấp, người quản lý yêu cầu thanh toán và được Tòa án giải quyết như sau: “*xét vợ chồng ông Q, bà V ở tại thửa đất số 166 cùng cụ B, cụ NS từ năm 1994 có công sức trông nom, quản lý duy trì tài sản có công chăm sóc 2 cụ nên được trích công sức bằng trị giá 1 kỳ phân; công sức ông Q, bà V đối đất thửa đất số 126 theo như bà V trình bày hết khoảng 24.000.000 đồng cần chấp nhận, riêng diện tích nhà xây dựng từ năm 1988 qua xác minh hiện nay không còn, đã phá dỡ hết vì lâu năm mục nát nên khấu hao hết, vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này*”²⁰. Có thể thấy, trong vụ án này, tuy sử dụng thuật ngữ “*công sức duy trì tài sản*” (hoặc “*công sức*”) nhưng thực chất, người quản lý di sản yêu cầu thanh toán hai khoản: (i) Thù lao, (ii) Chi phí bảo quản; đồng thời, việc giải quyết của Tòa án cũng phù hợp với

¹⁶ Bản án số 50/2019/DS-PT ngày 22-4-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về tranh chấp di sản thừa kế, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta282495t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 20/02/2024.

¹⁷ Bản án số 219/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tranh chấp chia di sản thừa kế, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy nội dung đăng ký biến động chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta428999t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 20/02/2024.

¹⁸ Bản án số 219/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tranh chấp chia di sản thừa kế, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy nội dung đăng ký biến động chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự, tldđ.

¹⁹ Ví dụ, theo một bản án, đối với ngôi nhà (cấp IV, có diện tích 47,3 m², gắn liền với thửa đất có diện tích 646,1 m²), Tòa án cho rằng, có căn cứ về việc bà A (cháu ruột cụ T2) đã đưa 03 cây vàng cho cụ T2 (người để lại di sản) xây dựng vào năm 1998. Vì bà A trực tiếp bỏ tiền để xây dựng nên thuộc sở hữu của bà A và không chia thừa kế đối với ngôi nhà này (Xem thêm: Bản án số 219/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tranh chấp chia di sản thừa kế, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy nội dung đăng ký biến động chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự, tldđ).

²⁰ Bản án số 268/2019/DS-PT ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về tranh chấp thừa kế tài sản, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tldđ.

điều kiện áp dụng của mỗi khoản thanh toán: thù lao (với thửa đất 166) được chấp nhận vì thực tế “*có công sức trông nom quản lý duy trì tài sản*”; chi phí bảo quản (với thửa đất 126) chỉ được chấp nhận một phần (tiền đồ đất), tiền xây nhà không được chấp nhận do nhà “*không còn, đã phá dỡ hết vì lâu năm mục nát và khấu hao hết*”.

Cũng có trường hợp, người quản lý tuy có dùng kinh phí để tôn tạo di sản nhưng không đưa ra yêu cầu thanh toán độc lập thì khi giải quyết, khoản chi phí bảo quản di sản được Tòa án tính gộp chung với tiền thù lao. Thực tiễn này được phản ánh trong vụ việc sau: “*Trong quá trình quản lý, sử dụng thì ông D có công tôn tạo, thuê người xây kè đá, đổ đất nâng nền (Bút lục 377), mặt khác ông D cũng có yêu cầu chia cho ông một kỷ phần đối với công sức, chi phí tôn tạo, bảo quản di sản nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu này của ông D... Trong khoảng thời gian cụ T2 đi cải tạo thì bà A là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con cụ T2, cụ T3 và quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp liên tục cho đến nay. Do đó, bà A cũng có công trong việc quản lý, bảo vệ di sản của cụ T2 và cụ T3 nên cần trích một phần di sản bằng với kỷ phần thừa kế của các con cụ T2 và cụ T3 cho bà A*”²¹. Trong vụ việc được đề cập, dù hai chủ thể quản lý di sản (bà A và ông D) dành công sức, chi phí khác nhau trong quá trình quản lý di sản nhưng đều được ghi nhận là chủ thể quản lý di sản (đồng thời) nên được quyền thanh toán thù lao/công sức ngang bằng nhau.

Về điều kiện được thanh toán thù lao/công sức, kể cả trường hợp đương sự có yêu cầu thanh toán hoặc không thể hiện rõ yêu cầu nhưng nếu đó là người thực tế trực tiếp quản lý di sản thừa kế thì đa số Tòa án đều quyết định

thanh toán thù lao/công sức cho người trực tiếp quản lý di sản²². Ví dụ, theo một bản án: “*trong thực tế ông S và bà L sinh sống, canh tác trên khối tài sản này từ rất lâu, khi nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, bị đơn không đồng ý vì cho rằng đã được bà nội cho toàn bộ, không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế. Theo Án lệ số 05/2016/AL... khi quyết định việc chia thừa kế, phải xem xét về công sức đóng góp của bị đơn vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, có đủ cơ sở để tính công sức đóng góp của ông S và bà L đối với khối tài sản nói trên*”²³.

Cần lưu ý là, điều kiện được thanh toán công sức/thù lao không đương nhiên bao gồm công “chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản”, trừ trường hợp người để lại di sản hoặc người thừa kế có thỏa thuận khác. Ví dụ, theo một bản án: “*Ngày 15/3/2019, Ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: ... yêu cầu nhận kỷ phần vì có công chăm sóc ông Huỳnh Tấn T2 từ năm 2006 đến khi ông T2 chết*”²⁴. Tuy nhiên, trong bản án phúc thẩm, Tòa án không xem xét, giải quyết đối với nội dung này và trong nội dung bản án không tuyên bố các yêu cầu đó. Theo các tác giả, cách giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm trong trường hợp này là thiếu sót, không phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự cũng như phạm vi xét xử của Tòa án, mặc dù, như đã đề cập, không thể chấp nhận yêu cầu thanh toán công chăm sóc nếu giữa người chăm sóc, nuôi dưỡng và

²¹ Bản án số 219/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tranh chấp chia di sản thừa kế, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy nội dung đăng ký biến động chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự, tldđ.

²² Xem thêm: Án lệ số 05/2016/AL.

²³ Bản án số 50/2019/DS-PT ngày 22-4-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về tranh chấp di sản thừa kế, tldđ.

²⁴ Bản án số 219/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tranh chấp chia di sản thừa kế, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy nội dung đăng ký biến động chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự, tldđ.

người được chăm sóc, nuôi dưỡng có quan hệ cha mẹ con, vợ chồng vì đây là nghĩa vụ theo pháp luật hôn nhân và gia đình.

2.2.2. Quyết định khoản chi phí cho việc bảo quản di sản

Khi đã chấp nhận yêu cầu thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản, các Tòa án không thống nhất hướng giải quyết mức chi phí theo một tỷ lệ chung: có Tòa án dành một tỷ phần tương đương một suất thừa kế theo pháp luật, một số khác quyết định dành một tỷ lệ nhất định trong khối tài sản người chết để lại, cũng có Tòa án quyết định thanh toán công sức bằng một khoản tiền cụ thể tương ứng với thời gian quản lý di sản... Bên cạnh đó, cách thức thực hiện việc thanh toán thù lao/công sức quản lý di sản cũng không thống nhất: có trường hợp thanh toán trước khi phân chia di sản thừa kế; có trường hợp thanh toán đồng thời với việc phân chia di sản thừa kế... Điều này được thể hiện qua thực tiễn xét xử sau đây:

Dành một tỷ phần tương đương một suất thừa kế theo pháp luật

Đây là mức thù lao dành cho người quản lý di sản được các Tòa án áp dụng khá phổ biến. Ví dụ, trong một bản án²⁵, Tòa án đã đưa ra những lập luận để thanh toán công sức, chi phí cho người quản lý di sản, cụ thể như sau: Với ông D: “ông D sống với ông T2 từ nhỏ, khi ông T2 chết thì ông D tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp cho đến nay. Ông H, bà T, bà N cũng thừa nhận trong quá trình quản lý, sử dụng thì ông D có công tôn tạo thuê người xây kè đá, đổ đất nâng nền (Bút lục 377), mặt khác ông D cũng có yêu cầu chia cho ông một tỷ phần đối với công sức, chi phí tôn tạo, bảo quản di sản”; với bà A: “Bà A được vợ chồng cụ T2, cụ T3 đưa về nuôi

từ năm 06 tuổi. Năm 1972 cụ T3 chết, năm 1975 cụ T2 bị bắt đi cải tạo, đến năm 1979 thì cụ T2 trở về. Trong khoảng thời gian cụ T2 đi cải tạo thì bà A là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con cụ T2, cụ T3 và quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp liên tục cho đến nay. Do đó, bà A cũng có công trong việc quản lý, bảo vệ di sản của cụ T2 và cụ T3”.

Như vậy, cả hai người được trích công sức bảo quản di sản trong vụ án này với phần tỷ lệ ngang bằng nhau (dù ông D còn bỏ ra chi phí xây kè đá, đổ đất nâng nền) và bằng giá trị một tỷ phần thừa kế theo pháp luật; công sức bảo quản di sản ở đây là cả một quá trình dài kể từ khi người để lại di sản còn sống và bao gồm cả công sức mà lẽ ra người chết phải thực hiện (bà A là người chăm sóc, nuôi dưỡng các con cụ T2, cụ T3). Mặc dù, về nguyên tắc, “thù lao” hay “công sức” quản lý di sản phát sinh sau khi người để lại tài sản chết và không bao gồm công sức chăm sóc người để lại tài sản (cũng như cha mẹ, con cái của người đó). Tuy nhiên, vụ án là ví dụ về việc khó tách bạch một cách rõ ràng các khoản này nên giải pháp của Tòa án trong bản án này khá thuyết phục, phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật dân sự, bao gồm nguyên tắc tự do, tự nguyện. Đây cũng là hướng giải quyết tương tự trong bản án khác: “Về công sức duy trì tài sản: xét vợ chồng ông Q, bà V ở tại thửa đất số 166 cùng cụ B, cụ NS từ năm 1994 có công sức trông nom quản lý duy trì tài sản có công chăm sóc 2 cụ nên trích công sức cho ông Q, bà V bằng trị giá 1 tỷ phần”²⁶, hoặc “xét ông Đồng Trọng C, bà Bùi Thị N và các con có công sức trong việc quản lý, bảo quản, tôn tạo khối di sản của cụ C1, cụ B để lại. Nên cần tính công sức cho ông C và các con ông tương đương một tỷ phần thừa kế”²⁷.

²⁵ Bản án số 219/2019/DS-PT ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tranh chấp chia di sản thừa kế, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy nội dung đăng ký biến động chính lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng dân sự, tldđ.

²⁶ Bản án số 268/2019/DS-PT ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về tranh chấp thừa kế tài sản, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tldđ.

²⁷ Bản án số 10/2019/DS-PT ngày 12/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, <http://banan.thuvienphapluat.vn/ban-an/ban-an-102019dspt-ngay-12032019-ve-tranh-chap-chia-di-san-thua-ke-la-quyen-su-dung-dat-75661>, truy cập ngày 01/4/2020.

Điểm chung trong các trường hợp trên là Tòa án trích công sức quản lý di sản tương đương một kỹ phần thừa kế theo pháp luật mà không phụ thuộc vào số lượng cũng như tư cách thừa kế của người quản lý, căn cứ vào sự tồn tại thực tế của việc quản lý di sản nhằm mục đích bảo quản, tôn tạo khối tài sản người chết để lại. Việc “thanh toán” công sức quản lý di sản trong những trường hợp này được thực hiện đồng thời với việc phân chia di sản thừa kế.

Dành một tỷ lệ nhất định trong khối tài sản người chết để lại

Dù được áp dụng phổ biến, dành một kỹ phần tương đương một suất thừa kế theo pháp luật, đồng thời với việc phân chia thừa kế, cho người có công sức quản lý di sản không phải là hướng giải quyết duy nhất. Cũng có trường hợp, trước khi phân chia di sản thừa kế, Tòa án dành một tỷ lệ trong khối tài sản người chết để lại để “thanh toán” công sức nhưng tỷ lệ được quyết định trong các vụ việc cụ thể là không thống nhất, thậm chí có phần khiên cưỡng. Ví dụ, trong một bản án, Tòa án nhận định: “*Cụ T chết năm 2010, vợ chồng ông H là người trông coi khối di sản trên đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 7 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn trích công sức cho vợ chồng ông H 21.000.000 đồng là có căn cứ*”²⁸. Bởi vậy, trước khi phân chia thừa kế, Tòa án đã “thanh toán” thù lao cho người quản lý di sản (21.000.000 đồng cho 07 năm) bằng quyết định: “*Ấn trích công sức trông nom di sản cho ông Trần Ngọc H số tiền 21.000.000 đồng từ di sản thừa kế của cụ Q, cụ T*”. Nói cách khác, với khoản thù lao quản lý di sản, mỗi năm người quản lý di sản được nhận thù lao 3.000.000 đồng nhưng dựa vào căn cứ nào để xác định mức thù lao (3.000.000 đồng/năm mà không phải là con số khác, trong khi mỗi kỹ phần thừa kế theo pháp luật có giá trị 85.458.800 đồng) thì Tòa án không lập luận hoặc viện dẫn trong

bản án. Hoặc trong một bản án khác, Tòa án nhận định: “*có đủ cơ sở để tính công sức đóng góp của ông S và bà L đối với khối tài sản nói trên và cần tính theo tỷ lệ 10% trên tổng giá trị tài sản tranh chấp*”²⁹. Trong hai vụ việc này, công sức quản lý chiếm tỷ lệ nhỏ hơn so với giá trị của một suất thừa kế theo pháp luật nhưng cũng có trường hợp ngược lại và vụ án sau đây là ví dụ cụ thể cho thực trạng này³⁰. Sau khi xác định khối di sản người chết để lại (cụ Đ và cụ S có tài sản chung là quyền sử dụng 1.136,8m² đất gồm đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm khác, đất ao), Tòa án lập luận: “*Cụ Đ mất từ năm 1945, năm 1959 bà D kết hôn với ông C và về sống tại đất tranh chấp cùng cụ S. Cụ S, bà D có công trông nom, tôn tạo thửa đất nên cần xem xét ấn trích công sức bảo quản, trông nom, tôn tạo tài sản cho cụ S và bà D tương ứng với 500 m² đất. Phần diện tích đất này nên giao cho bà D được hưởng*”. Tuy vậy, thông tin trong bản án hoàn toàn không đưa ra cơ sở pháp lý hay lập luận cho sự luân chuyển công sức bảo quản, trông nom, tôn tạo tài sản cho “*cụ Sen và bà D*” nhưng quyết định “*Phần diện tích đất này nên giao cho bà D được hưởng*” (duy nhất bà D) mà không rõ lý do. Hơn nữa, “*sau khi trừ phần ấn trích công sức tôn tạo, trông nom khối di sản trên cho bà D, di sản của cụ Đàm, cụ Sen để lại còn 636,8m² đất, mỗi người để lại 318,4m²*”. Nếu xét về tỷ lệ, bà D được trích công sức 500m² đất, chiếm khoảng 44% trong tổng số 1.136,8m² đất cụ Đ và cụ S để lại, nghĩa là cụ Đ và cụ S mỗi người còn lại chỉ khoảng 28%. Theo cách giải quyết trong bản án này, người quản lý di sản được thanh toán công sức nhiều hơn khối di sản cuối cùng mà người chết để lại. Cũng tiến hành thanh toán “*công sức*” cho người quản lý di sản trước khi phân chia thừa kế và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến phản đối về nội dung ấn trích công sức tôn tạo, trông nom khối di sản trên cho bà D 500m² đất, nhưng

²⁸ Bản án số 11/2018/DS-PT ngày 11/04/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về tranh chấp di sản thừa kế, tđđ.

²⁹ Bản án số 50/2019/DS-PT ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về tranh chấp di sản thừa kế, tđđ.

³⁰ Bản án số 18/2018/DS-PT ngày 18/07/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về tranh chấp di sản thừa kế, <https://congboanan.toaan.gov.vn/2ta138625t1cvn/chi-tiet-ban-an>, truy cập ngày 29/3/2020.

theo các tác giả, nhận định “phân diện tích đất này nên giao cho bà D được hưởng” của Tòa án sẽ thuyết phục hơn và có thể tạo ra tiền lệ (nguyên tắc) có giá trị áp dụng tương tự cho những vụ việc khác, nếu Tòa án đưa ra một trong số các lập luận sau đây:

Thứ nhất, bà D kết hôn với ông C vào năm 1959 và về sống tại mảnh đất là tài sản chung của cụ Đ và cụ S đến khi tranh chấp nên bà D là người quản lý di sản của cả hai cụ.

Thứ hai, đối với việc quản lý di sản của cụ Đ thì bà D có công sức nhiều hơn so với cụ Sen (vì trẻ tuổi hơn, có sức khỏe hơn) và thời gian quản lý di sản của cụ Đ gần bằng cả cuộc đời của bà D. Bên cạnh đó, thời gian bà D sinh sống và quản lý mảnh đất này có giá trị tương đương, đủ để xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu đối với bất động sản (30 năm) nếu bất động sản không có người quản lý.

Thứ ba, bà D không chỉ là người có công trong việc tôn tạo, xây dựng, phát triển giá trị của thửa đất này mà còn là người chăm sóc, phụng dưỡng mẹ chồng (không phải mẹ đẻ), thờ cúng ông bà, tổ tiên kể cả khi chồng hy sinh; không có bất kỳ thông tin nào cho rằng bà D bạc đãi, bất hiếu với mẹ chồng. Nghĩa là, bà D cũng là người bỏ ra các chi phí cho việc thờ cúng ông bà, tổ tiên (có thể là phần được chấp nhận đối với chi phí bảo quản di sản) nên phần bà D được trích bao gồm “thù lao” và “chi phí bảo quản di sản”.

Thứ tư, bà D là thành viên hộ gia đình với cụ Sen và BLDS qua các thời kỳ đều ghi nhận công sức đóng góp của thành viên hộ gia đình trong việc tôn tạo, phát triển giá trị tài sản chung của hộ gia đình (Điều 118 BLDS năm 1995, Điều 108 BLDS năm 2005...).

3. Kết luận và kiến nghị

Qua phân tích thực tiễn xét xử yêu cầu thanh toán chi phí cho việc bảo quản di sản nhận thấy, có sự không thống nhất trong việc giải quyết của Tòa án khi xác định mức thù lao và cách thức thực hiện thanh toán. Dù ủng

hộ quan điểm “nên trao quyền cho Tòa án tùy từng trường hợp, từng hoàn cảnh mà xác định mức thù lao hợp lý”³¹, nhưng để tránh tình trạng “lạm quyền” ảnh hưởng đến quyền lợi của người thừa kế cũng như người quản lý di sản, bên cạnh yêu cầu thống nhất trong việc sử dụng các thuật ngữ/tên gọi liên quan, nhận thức đúng bản chất và điều kiện áp dụng giữa thù lao và chi phí bảo quản, theo các tác giả, Hội đồng Thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao cần có văn bản hướng dẫn một số vấn đề sau:

Thứ nhất, hướng dẫn giải quyết thù lao và chi phí bảo quản di sản theo hướng: i) Trường hợp người quản lý có yêu cầu thanh toán độc lập giữa tiền thù lao và chi phí bảo quản di sản thì Tòa án cần giải quyết độc lập từng khoản, ngược lại, cần có phương án xử lý với trường hợp Tòa án gộp chung, đồng nhất giữa chúng (vì không bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người quản lý di sản một cách chính đáng); ii) Trường hợp người quản lý không có yêu cầu thanh toán độc lập, hướng giải quyết xác định tiền thù lao quản lý di sản đồng thời cũng là chi phí bảo quản di sản hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật dân sự.

Thứ hai, xem xét, cân nhắc để đưa ra “mức thù lao quản lý di sản” tối đa theo tỷ lệ phần tài sản mà người chết để lại (ví dụ có thể là không được vượt quá 1/2), trừ trường hợp có sự thỏa thuận rõ ràng giữa người thừa kế và người quản lý di sản về mức thù lao. Bên cạnh đó, bản án bắt buộc phải đưa ra những cơ sở, lập luận thể hiện rõ trong phần nhận định làm cơ sở để quyết định “mức thù lao quản lý di sản” phù hợp với từng vụ việc cụ thể.

Thứ ba, xây dựng nguyên tắc, bộ tiêu chí làm căn cứ để xác định mức thù lao hợp lý, trong đó có tiêu chí về thời gian quản lý di sản (có thể tham khảo quy định về thời hiệu thừa kế, thời hiệu xác lập quyền sở hữu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật...), về sự thay đổi giá trị của di sản giữa thời điểm mở thừa kế với thời điểm tranh chấp ■

³¹⁾ Đỗ Văn Đại (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, t1dd, tr. 527.